BỘ TƯ PHÁP
CỤC BỔ TRỢ TƯ PHÁP

TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM

TÀI LIỆU SỰ KIỆN

TOẠ ĐÀM

NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NGOÀI TOÀ ÁN THÔNG QUA PHƯƠNG THỨC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI, HOÀ GIẢI THƯƠNG MẠI

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026

BỘ TƯ PHÁP

TÀI LIỆU

TỌA ĐÀM NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NGOÀI TÒA ÁN THÔNG QUA PHƯƠNG THỨC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI, HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

Hà Nội, năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH

TỌA ĐÀM NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NGOÀI TÒA ÁN THÔNG QUA PHƯƠNG THỨC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI, HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

Đơn vị tổ chức: Cục Bổ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp

phối hợp với Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)

---***---

1. **Thời gian:** 08h30, ngày 30 tháng 10 năm 2026.
2. **Địa điểm:** Nhà khách Trung ương, số 8 Chu Văn An, P. Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
08h15 - 08h30	Đăng ký đại biểu
08h30 - 08h50	**Phát biểu khai mạc** ***Ông Lê Xuân Hồng*** *– Cục trưởng Cục Bổ trợ Tư pháp, Bộ Tư pháp* ***Ông Vũ Ánh Dương*** *– Phó Chủ tịch thường trực kiêm Tổng Thư ký VIAC*
08h50 - 09h10	**Báo cáo tình hình triển khai Nghị định 22/2017/NĐ-CP, định hướng xây dựng Luật HGTM** ***Bà Nguyễn Thị Thụy*** *– Trưởng phòng Quản lý đấu giá tài sản, giám định tư pháp, trọng tài, hòa giải thương mại, Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp*
09h10 - 09h40	**Thực tiễn hoạt động hòa giải thương mại tại Việt Nam – Những vấn đề đặt ra và giải pháp thúc đẩy phát triển** ***Bà Nguyễn Thị Mai*** *– Giám đốc Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC)*
09h40 - 10h00	**Thực tiễn triển khai Nghị định 22/2017/NĐ-CP tại địa phương – Khó khăn, vướng mắc và đề xuất hoàn thiện** ***Ông Nguyễn Minh Thanh*** *– Phó trưởng phòng Bổ trợ tư pháp, Sở Tư pháp thành phố Hà Nội*
10h00 - 10h15	Giải lao
10h15 - 10h35	**Thực trạng hoạt động trọng tài thương mại hiện nay và đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả của hoạt động trọng tài thương mại trong thời kỳ mới** ***Ông Nguyễn Văn Huệ*** *– Trưởng ban Nghiên cứu, xây dựng và phổ biến pháp luật, Hội Luật gia Việt Nam*
10h35 - 11h25	Thảo luận
11h25 – 11h30	Bế mạc

THAM LUẬN
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ ĐỊNH 22/2017/NĐ-CP, ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG LUẬT HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

Cục Bổ trợ tư pháp

I. Về tình hình tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại tại Việt Nam

Tính đến nay, cả nước đã có 17 Trung tâm hòa giải thương mại được Bộ Tư pháp cấp giấy phép thành lập, 12 Trung tâm trọng tài được bổ sung chức năng hòa giải thương mại và hơn 200 hòa giải viên thương mại vụ việc đã đăng ký tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ yếu là ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố lớn.

Trong năm 2025, số lượng vụ việc hòa giải thương mại được tiếp nhận là 104 vụ, tổng giá trị vụ việc đã giải quyết xong đạt 3.500.000.000 đồng.

Các Trung tâm hòa giải thương mại đi vào hoạt động, bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định. Việt Nam cũng đã thành lập được một số Trung tâm hoà giải có uy tín

II. Về một số khó khăn, vướng mắc trong hoạt động hòa giải thương mại tại Việt Nam

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, trong bối cảnh đất nước bước sang giai đoạn mới, tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền hội nhập quốc tế, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và các ngành dịch vụ theo cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa với rất nhiều cơ hội và thách thức, hoạt động hoà giải thương mại vẫn bộc lộ một số hạn chế như:

Một là, mặc dù đã có nhiều điểm tiến bộ nhưng một số quy định của pháp luật về hòa giải thương mại mới chỉ ở tầm nghị định nên còn thiếu các quy định mang tính đột phá nhằm nâng tầm hòa giải thương mại, phù hợp với Luật mẫu UNCITRAL.

Hai là, chất lượng đội ngũ hòa giải viên thương mại tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn bất cập; một số hoà giả viên thương mại chưa được trang bị đầy đủ kiến thức thương mại quốc tế.

Ba là, hiểu biết và nhận thức của các cá nhân, cơ quan, tổ chức, đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp về phương thức giải quyết bằng hòa giải thương mại tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn hạn chế. Tâm lý và truyền thống sử dụng Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp vẫn còn ăn sâu trong hoạt động kinh doanh của cá nhân, doanh nghiệp.

III. Sự cần thiết xây dựng dự án luật hòa giải thương mại

1. Căn cứ chính trị, pháp lý

Chủ trương và chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về hòa giải thương mại được thể hiện xuyên suốt, nhất quán trong các văn kiện, nghị quyết về cải

cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó hòa giải thương mại là một cấu phần quan trọng thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp, cần được ưu tiên phát triển. Cụ thể như sau:

Nghị quyết số 49-NQ/TW (năm 2005) của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã chỉ đạo rõ: *"Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài; Tòa án hỗ trợ bằng quyết định công nhận việc giải quyết đó"*.

Nghị quyết số 27-NQ/TW (năm 2022) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới: *Tiếp tục hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực để xã hội hóa và phát triển các lĩnh vực công chứng, hòa giải, trọng tài, thừa phát lại, giám định tư pháp; xây dựng đội ngũ hành nghề công chứng, hòa giải, trọng tài, thừa phát lại, giám định tư pháp đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng, hoạt động chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội.*

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị đã chỉ đạo: "*Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, bổ trợ tư pháp phù hợp với mục tiêu, định hướng cải cách tư pháp. Có giải pháp khuyến khích, phát triển các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án như trọng tài thương mại, hòa giải thương mại..."*

Kế hoạch số 02-KH/QĐUCP ngày 11/6/2025 của Đảng ủy Chính phủ về việc thực hiện Kết luận số 117-KL/TW ngày 17/01/2025 của Bộ Chính trị về Đề án "Nâng cao hiệu quả áp dụng Thủ tục tố tụng tư pháp rút gọn; kết hợp các phương pháp phi tố tụng tư pháp với các phương thức tố tụng tư pháp" trong đó có nhiệm vụ nghiên cứu, rà soát, đánh giá, tổng kết, khảo sát thực tiễn thi hành Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ cần hòa giải thương mại, nghiên cứu xây dựng Luật hòa giải thương mại.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Pháp luật về hòa giải thương mại (HGTM) tại Việt Nam hiện hành chủ yếu dựa trên Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. Sau gần 10 thi hành, văn bản này đang bộc lộ nhiều bất cập như giới hạn chủ thể thành lập trung tâm, thiếu quy định về hòa giải trực tuyến, cơ chế công nhận thỏa thuận hòa giải còn phức tạp và thiếu chế tài xử lý vi phạm bảo mật… cụ thể như sau:

(i) Giới hạn về chủ thể thành lập và phát triển tổ chức hòa giải

Theo Nghị định 22/2017/NĐ-CP, đối tượng được phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại còn bị giới hạn. Ngoại trừ các Trung tâm trọng tài được phép đăng ký thêm hoạt động, luật hiện hành chỉ cho phép công dân Việt Nam đủ tiêu chuẩn hòa giải viên đứng ra thành lập. Điều này vô tình cản trở sự tham gia của các tổ chức chuyên nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài hoặc các liên đoàn thương mại, dẫn đến số lượng tổ chức hòa giải hiện nay còn rất khiếm tốn.

(ii) Thiếu khung pháp lý cho hòa giải thương mại trực tuyến

Sự bùng nổ của giao dịch thương mại điện tử và nhu cầu hòa giải từ xa ngày càng lớn. Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện hành vẫn mang nặng tính

truyền thống. Hệ thống pháp luật chưa có quy định rõ ràng về quy trình tiến hành hòa giải trực tuyến, giá trị pháp lý của chữ ký số, dữ liệu điện tử, cũng như cơ chế giám sát, chứng nhận các nền tảng/website cung cấp dịch vụ hòa giải.

(iii) Quy định về thỏa thuận hòa giải còn thiếu thống nhất

Bản chất của thỏa thuận hòa giải là một loại hợp đồng. Tuy nhiên, các quy định về điều kiện, hình thức và hiệu lực của thỏa thuận hòa giải lại nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Nghị định 22/2017/NĐ-CP và Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Việc thiếu sự thống nhất này dễ dẫn đến rủi ro thỏa thuận bị tuyên vô hiệu do vi phạm hình thức.

(iv) Thiếu chế tài về nghĩa vụ bảo mật thông tin

Bảo mật là một trong những lợi thế lớn nhất của phương thức hòa giải. Mặc dù luật quy định các thông tin hòa giải không được dùng làm chứng cứ tại Tòa án/Trọng tài, nhưng các chế tài xử lý cụ thể đối với Hòa giải viên hoặc các bên nếu vi phạm nguyên tắc bảo mật thông tin vẫn chưa được quy định đủ sức răn đe.

(v) Thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành còn phức tạp

Để kết quả hòa giải ngoài Tòa án có hiệu lực thi hành bắt buộc, các bên phải yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận theo thủ tục việc dân sự. Quá trình này đòi hỏi nhiều thời gian và các thủ tục pháp lý chặt chẽ, làm mất đi ý nghĩa về sự nhanh chóng, linh hoạt vốn là ưu điểm cốt lõi của hòa giải thương mại.

b) Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Chương XXXIII): Quy định về thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án. Tuy nhiên, cơ chế phối hợp hiện tại vẫn vướng nhiều rào cản tố tụng, đòi hỏi phải có Luật Hòa giải thương mại riêng biệt để đồng bộ hóa quy trình này với hệ thống Tòa án.

c) Cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO): Việt Nam cam kết mở cửa thị trường dịch vụ pháp lý và giải quyết tranh chấp. Việc xây dựng Luật hào giải thương mại là bước cụ thể hóa và nội luật hóa toàn diện các cam kết quốc tế này.

d) Luật mẫu về hòa giải thương mại quốc tế của UNCITRAL: Khuôn khổ pháp lý toàn cầu được Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế khuyến nghị. Việc xây dựng Luật hòa giải thương mại giúp hệ thống pháp luật Việt Nam tiệm cận và tương thích với thông lệ quốc tế.

đ) Công ước Singapore về Hòa giải đưa ra khung pháp lý cho việc ghi nhận và thi hành các thỏa thuận hòa giải quốc tế. Theo đó, thỏa thuận mà các bên đạt được thông qua hòa giải sẽ trở nên ràng buộc và có hiệu lực thi hành tại các quốc gia thành viên theo thủ tục đơn giản và hợp lý. Trong thời gian tới, để Việt Nam có thể ký kết và phê chuẩn Công ước này, quốc gia bắt buộc phải có một đạo luật nội địa tương thích nhằm công nhận và cho thi hành các thỏa thuận hòa giải xuyên biên giới.

Với bối cảnh và yêu cầu nêu trên, việc nghiên cứu, xây dựng dự án Luật hòa giải thương mại là yêu cầu cấp thiết khách quan.

IV. Mục đích, quan điểm xây dựng dự án Luật

1. Mục đích xây dựng

Chuyển đổi khung pháp lý từ cấp Nghị định lên cấp Luật để tạo sự bình đẳng về thứ bậc pháp lý giữa Hòa giải thương mại với các phương thức khác như Trọng tài thương mại và Tòa án, bảo đảm tính đồng bộ, khắc phục các xung đột, chồng chéo và khoảng trống pháp lý giữa quy định hòa giải với Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật Thi hành án dân sự.

Tạo cơ sở pháp lý cho việc củng cố, phát triển tổ chức, hoạt động hòa giải thương mại chuyên nghiệp, hiệu quả, trong đó chú trọng việc các phương thức hiện đại như hòa giải trực tuyến (online mediation), hòa giải xuyên biên giới và kết hợp Trọng tài - Hòa giải, phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

Tạo nền tảng nội địa vững chắc để Việt Nam ký kết và thực thi Công ước Singapore về hòa giải, giúp các doanh nghiệp nước ngoài yên tâm đầu tư vào Việt Nam nhờ cơ chế giải quyết tranh chấp đạt chuẩn quốc tế.

2. Quan điểm chỉ đạo

Thể chế hóa chủ trương của Đảng trong việc *phát triển các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài* tòa án, phi tố tụng tư pháp, tăng cường xã hội hóa và phát triển hòa giải thương mại nhằm góp phần quan trọng vào việc giảm tải cho hệ thống Tòa án về giải quyết tranh chấp thương mại và giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước cho bộ máy tư pháp.

Kế thừa và phát triển các quy định còn phù hợp, bảo đảm tiệm cận, tương thích với luật pháp quốc tế, đồng thời khắc phục những bất cập, hạn chế, vướng mắc về hòa giải thương mại.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hòa giải thương mại và đáp ứng tốt yêu cầu quốc tế hóa hoạt động hòa giải thương mại tại Việt Nam.

V. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Dự kiến Luật hòa giải thương mại quy định về phạm vi, nguyên tắc, trình tự, thủ tục, các hình thức giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại, hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam, công nhận, thi hành thỏa thuận hòa giải, biện pháp xử lý vi phạm cam kết hòa giải thương mại và quản lý nhà nước về hoạt động hòa giải thương mại.

2. Đối tượng áp dụng

Dự kiến Luật hòa giải thương mại áp dụng đối với hòa giải viên thương mại (cả người Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam), tổ chức hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về hòa giải thương mại và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động hòa giải thương mại.

VI. Các vấn đề cụ thể để xử lý mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập có nguyên nhân từ pháp luật; vấn đề mới, xu hướng mới và các nội dung cần thiết khác (nếu có)

1. Các vấn đề cụ thể để xử lý mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập có nguyên nhân từ pháp luật

a) Giới hạn về chủ thể thành lập và phát triển tổ chức hòa giải

Theo Nghị định 22/2017/NĐ-CP, đối tượng được phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại còn bị giới hạn. Ngoại trừ các Trung tâm trọng tài được phép đăng ký thêm hoạt động, luật hiện hành chỉ cho phép công dân Việt Nam đủ tiêu chuẩn hòa giải viên đứng ra thành lập. Điều này vô tình cản trở sự tham gia của các tổ chức chuyên nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài hoặc các liên đoàn thương mại, dẫn đến số lượng tổ chức hòa giải hiện nay còn rất khiếm tốn.

b) Thiếu khung pháp lý cho hòa giải thương mại trực tuyến

Sự bùng nổ của giao dịch thương mại điện tử và nhu cầu hòa giải từ xa ngày càng lớn. Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện hành vẫn mang nặng tính truyền thống. Hệ thống pháp luật chưa có quy định rõ ràng về quy trình tiến hành hòa giải trực tuyến, giá trị pháp lý của chữ ký số, dữ liệu điện tử, cũng như cơ chế giám sát, chứng nhận các nền tảng/website cung cấp dịch vụ hòa giải.

c) Quy định về thỏa thuận hòa giải còn chồng chéo

Bản chất của thỏa thuận hòa giải là một loại hợp đồng. Tuy nhiên, các quy định về điều kiện, hình thức và hiệu lực của thỏa thuận hòa giải lại nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Nghị định 22/2017/NĐ-CP và Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Việc thiếu sự thống nhất này dễ dẫn đến rủi ro thỏa thuận bị tuyên vô hiệu do vi phạm hình thức.

d) Thiếu chế tài về nghĩa vụ bảo mật thông tin

Bảo mật là một trong những lợi thế lớn nhất của phương thức hòa giải. Mặc dù luật quy định các thông tin hòa giải không được dùng làm chứng cứ tại Tòa án/Trọng tài, nhưng các chế tài xử lý cụ thể đối với Hòa giải viên hoặc các bên nếu vi phạm nguyên tắc bảo mật thông tin vẫn chưa được quy định đủ sức răn đe.

đ) Thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành còn phức tạp

Để kết quả hòa giải ngoài Tòa án có hiệu lực thi hành bắt buộc, các bên phải yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận theo thủ tục việc dân sự. Quá trình này đòi hỏi nhiều thời gian và các thủ tục pháp lý chặt chẽ, làm mất đi ý nghĩa về sự nhanh chóng, linh hoạt vốn là ưu điểm cốt lõi của hòa giải thương mại.

2. Vấn đề mới, xu hướng mới

a) Hòa giải trực tuyến (Online Mediation) và Chuyển đổi số

Sự bùng nổ của kinh tế số đòi hỏi pháp luật phải công nhận và bảo vệ hình thức giải quyết tranh chấp từ xa nhằm tối ưu thời gian, chi phí địa lý cho doanh nghiệp. Dự án Luật cần thừa nhận tính pháp lý của phiên họp online: Quy định rõ giá trị pháp lý của các phiên hòa giải được thực hiện thông qua nền tảng số, video hội nghị (video conference); Định danh điện tử (eKYC): Thiết lập quy chuẩn xác thực danh tính từ xa đối với các bên tranh chấp và hòa giải viên tham

gia phòng họp ảo; Chứng cứ và Chữ ký điện tử: Công nhận các tài liệu, thông điệp dữ liệu số làm chứng cứ hợp pháp trong quá trình hòa giải. Cho phép ký kết Văn bản thỏa thuận hòa giải thành bằng chữ ký số đạt chuẩn.

b) Mô hình kết hợp linh hoạt "Trọng tài - Hòa giải" (Arb-Med-Arb)

Đây là xu hướng cực kỳ phổ biến tại các trung tâm tài phán quốc tế lớn (như Singapore, Hồng Kông) để tối đa hóa lợi thế của cả hai phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR). Luật cần có quy trình chuyển đổi: quy định rõ thủ tục khi các bên đang tranh chấp tại Trọng tài muốn tạm dừng để sang Hòa giải. Ghi nhận phán quyết theo thỏa thuận (Consent Award): nếu hòa giải thành công, kết quả đó sẽ lập tức được Hội đồng trọng tài ghi nhận và ban hành dưới dạng một Phán quyết trọng tài. Phán quyết này có giá trị cưỡng chế thi hành ngay lập tức theo pháp luật thi hành án, loại bỏ hoàn toàn rào cản thủ tục công nhận rườm rà tại Tòa án.

c) Tương thích Công ước Singapore về Hòa giải (nội luật hóa chuẩn quốc tế)

Để hiện thực hóa chủ trương đưa Việt Nam hội nhập sâu vào thị trường dịch vụ pháp lý xuyên biên giới, Luật mới cần chuẩn bị sẵn hành lang để ký kết và phê chuẩn Công ước Singapore về Hòa giải (2019); Cơ chế thi hành trực tiếp: Quy định thủ tục công nhận và cho thi hành các Thỏa thuận hòa giải quốc tế tại Việt Nam mà không cần thông qua thủ tục tố tụng xét xử lại từ đầu. Tiêu chuẩn hòa giải viên quốc tế: Cho phép và đơn giản hóa thủ tục công nhận các hòa giải viên quốc tế có chứng chỉ hành nghề toàn cầu được tham gia giải quyết các vụ việc tại Việt Nam.

d) Mở rộng phạm vi điều chỉnh sang các lĩnh vực kinh tế mới

Khái niệm "thương mại" cần được hiểu theo nghĩa rộng và đa dạng theo Luật mẫu của UNCITRAL thay vì bó hẹp theo hướng bổ sung thêm:

Tranh chấp Sở hữu trí tuệ (IP) cần được đưa hòa giải thương mại thành một cơ chế chính thức và khuyến khích áp dụng trong việc xử lý các xung đột về bản quyền, nhượng quyền, khai thác thương mại tài sản trí tuệ.

Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG): Xu hướng giải quyết tranh chấp kinh doanh có liên quan đến các cam kết xanh, phát thải carbon, hoặc các xung đột lợi ích của doanh nghiệp với cộng đồng xung quanh dự án đầu tư.

đ) Cơ chế "Bảo mật tuyệt đối" (Absolute Confidentiality) nâng cao

Để loại bỏ tâm lý e ngại của doanh nghiệp, Luật cần nâng tầm nguyên tắc bảo mật thông tin lên mức "đóng băng chứng cứ". Đó là cần có bảo đảm đặc quyền không làm chứng (Evidentiary Privilege), theo đó quy định cấm các bên, người làm chứng hoặc hòa giải viên sử dụng bất kỳ đề xuất nhân nhượng, lời thừa nhận, tài liệu nào được đưa ra trong phòng hòa giải để làm chứng cứ chống lại bên kia nếu hòa giải thất bại và phải ra Tòa án/Trọng tài. Bên cạnh đó, cần có chế tài vi phạm bảo mật: Thiết lập cơ chế bồi thường thiệt hại rõ ràng nếu một trong các bên hoặc hòa giải viên cố tình làm rò rỉ thông tin mật ra ngoài ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu của doanh nghiệp.

3. Các nội dung cần thiết khác (nếu có).

Bên cạnh các cơ chế mang tính xu hướng toàn cầu (như hòa giải trực tuyến, mô hình Arb-Med-Arb hay Công ước Singapore), dự thảo Luật Hòa giải thương mại cần phải quy định chi tiết nhiều nội dung mang tính "xương sống" khác để hoàn thiện bộ máy quản lý và giải quyết triệt để các vướng mắc thực tế như sau:

a) Chuẩn hóa và siết chặt tiêu chuẩn Hòa giải viên thương mại

Để xây dựng niềm tin cho doanh nghiệp và nâng cao uy tín của dịch vụ tư pháp, tiêu chuẩn đầu vào của hòa giải viên phải được định lượng rõ ràng thay vì định tính:

- Nâng cao số năm kinh nghiệm: Thay vì chỉ yêu cầu 2 năm kinh nghiệm như Nghị định 22/2017/NĐ-CP, dự thảo cần quy định tăng số năm kinh nghiệm thực tiễn (ví dụ từ 5 đến 8 năm) trong các lĩnh vực chuyên sâu như tài chính, xây dựng, bảo hiểm, thương mại quốc tế.

- Chứng chỉ hành nghề bắt buộc: Quy định điều kiện bắt buộc phải hoàn thành các khóa đào tạo kỹ năng chuyên sâu và vượt qua kỳ sát hạch nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức nghề nghiệp được ủy quyền cấp.

- Cơ chế kiểm soát xung đột lợi ích (Conflict of Interest): Quy định nghĩa vụ bắt buộc hòa giải viên phải chủ động tiết lộ bằng văn bản bất kỳ mối quan hệ nào (quan hệ gia đình, tài chính, công việc) có khả năng gây ảnh hưởng đến tính trung lập, vô tư trước khi nhận vụ việc.

b) Định hình cơ chế tính và phân bổ chi phí hòa giải

- Cơ cấu thù lao: Quy định rõ nguyên tắc tính thù lao hòa giải viên (theo giờ làm việc hoặc theo giá trị vụ tranh chấp) và chi phí hành chính của trung tâm hòa giải.

- Nguyên tắc phân bổ: Quy định mặc định chi phí sẽ được chia đều cho các bên tranh chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận tự nguyện khác trong biên bản hòa giải thành.

- Hoàn trả chi phí: Quy định rõ việc xử lý tiền tạm ứng chi phí khi một bên đột ngột đơn phương rút lui khỏi tiến trình hòa giải giữa chừng.

c) Quy định về "Thời hiệu" và "Thời hạn" trong tiến trình hòa giải

Đây là nội dung kỹ thuật cực kỳ quan trọng để bảo vệ quyền khởi kiện hợp pháp của doanh nghiệp tại Tòa án hoặc Trọng tài nếu hòa giải bất thành:

- Tạm dừng thời hiệu khởi kiện: Dự thảo Luật bắt buộc phải quy định rõ: Thời gian kể từ ngày các bên xác lập thỏa thuận tiến hành hòa giải cho đến ngày thủ tục hòa giải chính thức chấm dứt sẽ không được tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án tại Tòa án hoặc Trọng tài. Quy định này giúp doanh nghiệp an tâm đàm phán mà không sợ bị hết thời hạn kiện tụng.

- Thời hạn hòa giải mặc định: Quy định một khoảng thời gian hợp lý (ví dụ không quá 60 ngày kể từ ngày chỉ định hòa giải viên) để kết thúc vụ việc, tránh tình trạng một bên lợi dụng hòa giải nhằm kéo dài thời gian, trì hoãn nghĩa vụ thanh toán hoặc tẩu tán tài sản.

d) Cơ chế pháp lý cho Thỏa thuận hòa giải trước tranh chấp

- Tính độc lập của điều khoản hòa giải: Quy định điều khoản hòa giải là một thỏa thuận độc lập với hợp đồng chính. Sự vô hiệu, chấm dứt hay hủy bỏ của hợp đồng chính không làm mất đi hiệu lực của điều khoản hòa giải.

- Hậu quả của việc vi phạm thỏa thuận: Quy định rõ trường hợp các bên đã có điều khoản cam kết "phải hòa giải trước khi đưa ra Tòa án/Trọng tài", nếu một bên cố tình bỏ qua bước này để nộp đơn khởi kiện thẳng lên Tòa án, Tòa án có quyền trả lại đơn khởi kiện hoặc tạm đình chỉ giải quyết để yêu cầu các bên thực hiện đúng cam kết hòa giải trước.

đ) Quản lý nhà nước và vai trò của Hiệp hội nghề nghiệp

- Phân cấp, phân quyền cấp phép: Đẩy mạnh phân cấp quản lý từ Bộ Tư pháp về cho Ủy ban nhân dân và Sở Tư pháp cấp tỉnh trong việc đăng ký hoạt động, kiểm tra, thanh tra các trung tâm hòa giải thương mại trên địa bàn.

- Thành lập Hiệp hội Hòa giải viên: Quy định hành lang để thành lập Hiệp hội nghề nghiệp toàn quốc nhằm tự quản, ban hành Quy tắc đạo đức ứng xử nghề nghiệp, và hỗ trợ giám sát việc hành nghề của đội ngũ hòa giải viên.

VII. Thời gian dự kiến trình và thông qua

Dự kiến đề xuất dự án Luật hòa giải thương mại trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ thứ 4, Quốc hội khóa XVI).

THAM LUẬN

THỰC TRẠNG, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

Bà Nguyễn Thị Mai –
Giám đốc Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC)
thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)

I. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

Những năm gần đây, Đảng, Nhà nước có chủ trương thúc đẩy mạnh mẽ các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án, trong đó có hòa giải, nhằm giảm bớt áp lực cho hệ thống tư pháp, tăng hiệu quả giải quyết tranh chấp, đảm bảo quyền tiếp cận công lý, bảo vệ lợi ích chính đáng cho người dân và doanh nghiệp, phát triển môi trường đầu tư kinh doanh, mở rộng quan hệ thương mại với nước ngoài.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9-11-2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đưa ra định hướng *"Tiếp tục hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực để xã hội hóa và phát triển các lĩnh vực công chứng, hòa giải, trọng tài, thừa phát lại, giám định tư pháp; xây dựng đội ngũ hành nghề công chứng, hòa giải, trọng tài, thừa phát lại, giám định tư pháp đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng, hoạt động chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội"*.

Mục XIII Báo cáo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định: "*nâng cao hiệu quả các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án"* là một trong các giải pháp then chốt nhằm tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đặc biệt, Kết luận số 09/KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra nguyên tắc: *"Các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa các chủ thể là các cá nhân, tổ chức không mang quyền lực nhà nước (quy phạm pháp luật tư) được thiết kế theo hướng chủ yếu đặt ra khung pháp lý mang tính nguyên tắc; các nội dung cụ thể để các chủ thể tự thoả thuận trên cơ sở nhu cầu, lợi ích, quyền tự định đoạt, tự chịu trách nhiệm của mình trên tinh thần không vi phạm điều cấm của luật,*

phát huy tính năng động, sáng tạo của người dân, doanh nghiệp, tạo động lực quan trọng để huy động mọi nguồn lực, khơi dậy mọi tiềm năng phục vụ phát triển đất nước".

Nghị quyết số 20/2026/QH16 ngày 23/4/2026 của Quốc hội về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế dành hẳn một Điều quy định về việc giải quyết tranh chấp đầu tư bằng phương thức hòa giải[1].

Hòa giải thương mại bước đầu đã được quy định trong các văn bản pháp luật như Luật Thương mại; Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Bộ luật Tố tụng dân sự v.v. Với việc ban hành Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại thì hòa giải thương mại chính thức được công nhận là một phương thức giải quyết tranh chấp thay thế ngoài tòa tại Việt Nam cùng với trọng tài thương mại.

Mặc dù chỉ ở tầm Nghị định nhưng Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về cơ bản đã tiệm cận các quy định về hòa giải của các nước tiên tiến trên thế giới và Luật mẫu UNCITRAL, cụ thể như sau:

Thứ nhất, đánh giá và xác định đúng vị trí, vai trò của hòa giải viên là cầu nối, bên trung gian của tranh chấp, không phải là bên giải quyết tranh chấp, qua đó, đưa hòa giải về đúng vị trí, vai trò của phương thức này nhằm phát huy tính ưu việt của phương thức hòa giải so với trọng tài và Tòa án.

Thứ hai, quy định điều kiện trở thành hòa giải viên thương mại, thành lập trung tâm hòa giải thương mại đơn giản, dễ dàng, không coi hòa giải là một hoạt động kinh doanh và một nghề độc lập, nhờ đó, tạo điều kiện và khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hòa giải.

Thứ ba, quy định trình tự, thủ tục hòa giải hoàn toàn do các bên thỏa thuận quyết định, đảm bảo tính linh hoạt và quyền tự chủ của các bên, cho phép các bên có thể thỏa thuận về cách giải quyết vụ việc vào bất kỳ thời điểm nào trong quá trình hòa giải nhằm tối ưu hóa việc sử dụng hòa giải làm phương thức giải quyết tranh chấp.

Thứ tư, đơn giản hóa các quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động hòa giải nhằm tránh sự can thiệp không cần thiết cho hoạt động mang tính tương đối độc lập này.

Thứ năm, quy định về hoạt động của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam phù hợp với cam kết quốc tế.

---

1 Điều 16 Nghị quyết 20/2026/QG16 "*Trong quá trình giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài, xây dựng Chiến lược giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, trên cơ sở diễn biến cụ thể, cơ quan giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài hoặc Cơ quan chủ trì nghiên cứu, đánh giá khả năng và xây dựng phương án hòa giải, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc Ban chỉ đạo liên ngành về giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế xem xét, phê duyệt.*"

II. THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

1. Thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại

Trước khi có Nghị định số 22/2017/NĐ-CP được ban hành, một số tổ chức, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài trong quá trình hoạt động kinh doanh phát sinh tranh chấp mong muốn giải quyết tranh chấp của mình thông qua phương thức hòa giải đã áp dụng phương thức này trên cơ sở các quy định của Luật Thương mại năm 2005, Luật Trọng tài thương mại năm 2010, Luật Đầu tư năm 2014 và Bộ luật dân sự năm 2015...

Hoạt động hòa giải thương mại chuyên nghiệp mới bắt đầu được hình thành thông qua việc Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam ban hành Bộ quy tắc hoà giải và bắt đầu cung cấp dịch vụ này từ năm 2007. Tuy nhiên, do chưa có khuôn khổ pháp lý điều chỉnh trực tiếp, toàn diện hoạt động hòa giải thương mại như một phương thức giải quyết tranh chấp độc lập ngoài tòa án và trọng tài nên số vụ việc được giải quyết bằng hòa giải thương mại còn rất ít[2].

Sau khi Nghị định số 22/2017/NĐ-CP được ban hành, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/2/2018 để cụ thể hóa một số quy định của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP và phối hợp với Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện nhiều giải pháp hữu hiệu để truyên truyền, phổ biến và triển khai sâu rộng văn bản này trong cả nước. Do vậy, hoạt động hòa giải thương mại đã được nhiều người dân, doanh nghiệp biết đến là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại hiệu quả ngoài tòa án.

Thực tiễn cho thấy Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ra đời đã tạo hành lang pháp lý cho hoạt động hòa giải thương mại ngoài tòa án phát triển. Tính đến nay, cả nước đã có 15 Trung tâm hòa giải thương mại được Bộ Tư pháp cấp giấy phép thành lập, 07 Trung tâm trọng tài được bổ sung chức năng hòa giải thương mại và hơn 100 hòa giải viên thương mại vụ việc đã đăng ký tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ yếu là ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố lớn.

Tuy nhiên, mặc dù đã được luật hóa nhưng do nhu cầu sử dụng hòa giải cho tranh chấp đầu tư thương mại chưa cao nên cơ chế giải quyết tranh chấp bằng hòa giải tại Việt Nam chưa trở thành phương thức giải quyết tranh chấp được ưu thích. Theo số liệu của Bộ Tư pháp, trung bình mỗi năm mới chỉ có khoảng trên 100 vụ tranh chấp thương mại được giải quyết bằng hòa giải[3]. Trung tâm Hòa giải Việt Nam, trung tâm hòa giải lớn nhất, kể từ khi thành lập (năm 2018) mới chỉ giải quyết 44 tranh chấp thương mại. So với số lượng tranh chấp giải quyết tại hệ thống Tòa án thì số vụ việc

---

3 Tham luận của Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ tư pháp tại Tuần lễ Trọng tài - Hòa giải 2026 ngày 28/5/2026.

giải quyết bằng trọng tài, hòa giải quá ít (riêng năm 2025 hệ thống Tòa án thụ lý 683.341 vụ việc trong đó án dân sự giải quyết được 88,64%,).

Tại Trung tâm Hòa giải Việt Nam, sau khi hòa giải thành, 100% kết quả hòa giải được các bên tự nguyện thi hành. Chưa có một báo cáo chính thức nào về việc công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án. Điều này có thể lý giải bằng việc hoặc chưa có bất kỳ vụ việc nào được đưa ra công nhận tại Tòa án hoặc Tòa án chưa thống kê về các vụ việc công nhận hòa giải thành. Thực tế hòa giải tại Trung tâm Hòa giải Việt Nam cho thấy 100% các vụ hòa giải thành được các bên tự nguyện thi hành mà không cần đến Tòa án công nhận kết quả hòa giải. Về lĩnh vực tranh chấp, mua bán hàng hóa chiếm 33,33%, xây dựng chiếm 30,95%, dịch vụ chiếm 23,81%, bất động sản chiếm 2,38%, và các lĩnh vực khác chiếm 9,52%22.

Nhằm đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số các Trung tâm hòa giải lớn như Trung tâm Hòa giải Việt Nam đã ứng dụng quy trình giải quyết trên môi trường điện tử. Tuy nhiên, phương thức hòa giải vẫn đang kết hợp giữa trực tuyến và truyền thống mà không giải quyết được hoàn toàn theo phương thức trực tuyến với sự hỗ trợ của công nghệ.

2. Hạn chế, bất cập về về hòa giải thương mại

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, hoạt động hòa giải thương mại vẫn còn một số hạn chế, bất cập như:

2.1. Hạn chế, bất cập về thể chế

Sau một thời gian triển khai, văn bản pháp luật về hòa giải thương mại đã bộc lộ một số bất cập cụ thể dưới đây:

- Mặc dù đã có nhiều điểm tiến bộ nhưng các quy định của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP do mới chỉ ở tầm nghị định nên còn thiếu các quy định mang tính đột phá nhằm nâng tầm hòa giải thương mại, phù hợp với Luật mẫu UNCITRAL. Cụ thể là tiêu chuẩn, điều kiện trở thành hòa giải viên còn đơn giản, chưa có yêu cầu bắt buộc về việc phải trải qua khóa học về kỹ năng hòa giải.

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP quy định thỏa thuận hòa giải phải bằng văn bản, không cho phép các bên thỏa thuận bằng lời nói, thiếu quy định về việc các bên không được sử dụng thông tin tiết lộ trong quá trình hòa giải làm bằng chứng trước Tòa khi việc hòa giải không thành và tranh chấp được đưa ra Tòa giải quyết. Bên cạnh đó, Nghị định cũng chưa có quy định về việc thời gian tranh chấp được giải quyết bằng hòa giải không tính vào thời hiệu giải quyết vụ việc, quy định Tòa án từ chối giải quyết vụ tranh chấp nếu các bên có thoả thuận hòa giải nhưng lại không thực hiện hòa giải theo thỏa thuận hòa giải. Việc thiếu các quy định mang tính quyết định này đã làm giảm tính hấp dẫn của hòa giải thương mại, đặc biệt trong bối cảnh hòa giải thương mại còn rất mới ở Việt Nam.

- Có sự chồng chéo giữa hòa giải thương mại và hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Trong khi hòa giải thương mại theo Nghị định số 22/2017/NĐ-CP

do các hòa giải viên thương mại độc lập thực hiện theo một quy trình riêng ngoài Tòa án thì hòa giải tại Tòa án theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án lại do các hòa giải viên do Tòa án bổ nhiệm. Cùng với việc quy định chặt chẽ trình tự, thủ tục hòa giải, quy định hòa giải viên lập biên bản hòa giải, các quy định này dường như bỏ qua đặc tính, nguyên tắc cơ bản của hòa giải là tính tự nguyện, linh hoạt và quyền quyết định tối thượng thuộc về các bên hòa giải.

2.2. Hạn chế, bất cập trong thực thi pháp luật về hòa giải thương mại

Bên cạnh những khó khăn về thể chế còn có khó khăn về thực tiễn áp dụng phương thức hòa giải thương mại để giải quyết tranh chấp cụ thể như sau:

Thứ nhất, hoạt động hòa giải thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp thương mại mới hình thành ở nước ta. Do đó, hiểu biết và nhận thức của các cá nhân, cơ quan, tổ chức, đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp về phương thức giải quyết bằng hòa giải thương mại vẫn còn hạn chế. Phần lớn doanh nghiệp của Việt Nam chưa có thói quen sử dụng hòa giải thương mại trong việc giải quyết tranh chấp của mình, thậm chí là chưa có niềm tin vào vai trò của hòa giải thương mại và khả năng thực thi các thỏa thuận hòa giải thành trong thực tế. Tâm lý và truyền thống sử dụng Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp vẫn còn ăn sâu trong tiềm thức của cá nhân, doanh nghiệp. Trong thực tiễn, hòa giải vẫn thường được nhìn nhận như một giai đoạn thương lượng không chính thức trước khi khởi kiện, thay vì một phương thức giải quyết tranh chấp độc lập. Do vậy, việc các bên tranh chấp lựa chọn hòa giải thương mại để giải quyết tranh chấp còn chưa nhiều. Trong số các hoạt động bổ trợ tư pháp hiện nay, ADR nói chung và hòa giải thương mại nói riêng chưa được ưu tiên quan tâm so với các lĩnh vực "nóng" khác như luật sư, công chứng, đấu giá…

Thứ hai, chất lượng đội ngũ hòa giải viên thương mại mới được hình thành nên còn chưa đồng đều, chưa được đào tạo bài bản. Một số hòa giải viên thương mại chưa được trang bị đầy đủ kiến thức pháp luật kinh doanh, thương mại, kỹ năng giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng hòa giải thương mại nên gặp nhiều khó khăn trong việc hỗ trợ các bên giải quyết tranh chấp.

Thứ ba, cơ sở vật chất của phần lớn các tổ chức hòa giải thương mại chưa đáp ứng đầy đủ để phục vụ cho hoạt động hòa giải thương mại; công tác quản lý, điều hành các hoạt động của một số Trung tâm còn thiếu tính chuyên nghiệp, chưa hiệu quả.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về hoàn thiện pháp luật hòa giải thương mại

Trên cơ sở những hạn chế, bất cập đã được nêu ở trên, để hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại cần nghiên cứu một số nội dung sau:

(i) Việt Nam cần cân nhắc sớm xây dựng Luật Hòa giải thương mại với các nội dung và nguyên tắc chủ đạo theo mô hình Luật mẫu UNCITRAL nhằm khắc phục sự bất cập và chồng chéo của hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay. Các nội dung bất cập của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP cần phải xử lý trong Luật này.

(ii) Nghiên cứu sửa đổi các quy định của Bộ luật Lao động theo hướng tranh chấp đất đai và tranh chấp lao động được giải quyết bằng hòa giải thương mại theo sự lựa chọn của các bên trong khoảng thời gian nhất định, nếu không giải quyết được thì mới lựa chọn toà án và đặc biệt thời gian hoà giải không tính vào thời hiệu đối với các tranh chấp lao động. Quy định như vậy không những giúp cho các bên tranh chấp có nhiều lựa chọn trong việc giải quyết tranh chấp của mình mà còn đảm bảo các tranh chấp được hỗ trợ bởi các nhà chuyên môn, có năng lực, uy tín, kinh nghiệm, qua đó, giảm tải tình trạng quá tải tại Tòa án, tiết kiệm chi phí xã hội, xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh, an toàn, văn minh.

(iii) Nghiên cứu ban hành Quy tắc hòa giải mẫu trên cơ sở tiếp cận các nội dung Quy tắc hòa giải mẫu của UNCITRAL, có chọn lọc phù hợp với bối cảnh và điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa của Việt Nam.

(iv) Nghiên cứu quy định giao cho một số Tòa chuyên trách xem xét công nhận thỏa thuận hòa giải thành. Hệ thống Tòa án có vai trò quyết định trong việc hỗ trợ các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế. Nhằm tạo cơ chế thống nhất cho việc theo dõi, quản lý, đánh giá việc hỗ trợ hỗ trợ các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế, đồng thời, tạo điều kiện cho việc tập trung đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cũng như trình độ ngoại ngữ cho các thẩm phán có trọng tâm, tránh lãng phí nguồn lực, cần cân nhắc nghiên cứu giao một số tòa chuyên trách công nhận thỏa thuận giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải như quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh Tòa án nhân dân khu vực, theo đó, thẩm quyền giải quyết yêu cầu hỗ trợ hoạt động hòa giải được giao cho 3 Tòa án thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh[4].

2. Về nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về hòa giải thương mại

Một là, tiếp tục tăng cường việc tuyên truyền, phổ biến về hòa giải thương mại nhằm nâng cao nhận thức của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp về vai trò, tính hiệu quả của hòa giải trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh trong việc tiếp cận dịch vụ hòa giải thông qua các hình thức như tổ chức hội thảo, tọa đàm, tuyên truyền, phổ biến, quảng bá hoạt động hòa giải trên các báo, đài, mạng internet, Bộ Tư pháp chủ trì tổ chức "Tuần lễ trọng tài - hòa giải" hàng năm nhằm lan tỏa hòa giải thương mại trong cộng đồng doanh nghiệp.

Hai là, đẩy mạnh và khuyến khích sử dụng cơ chế hòa giải thương mại cho các tranh chấp đầu tư, thương mại. Hòa giải phải được coi là một trụ cột chính chứ không đơn thuần là một công cụ bổ trợ trong tiến trình giải quyết tranh chấp. Trong việc sử dụng và ưu tiên đẩy mạnh hòa giải, Việt Nam nên nghiên cứu Bộ Quy tắc IBA về Hòa

[4] Điều 2 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực

giải giữa nhà đầu tư và Nhà nước năm 2012 của Hội đồng Hiệp hội Luật sư quốc tế (International Bar Association) và Bộ Quy tắc hòa giải của ICSID để thiết kế quy trình riêng về hòa giải các tranh chấp đầu tư quốc tế phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Ba là, nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp của đội ngũ hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại qua đó nâng cao chất lượng hoạt động hòa giải thương mại. Khuyến khích việc thành lập Hiệp hội hòa giải viên Việt Nam nhằm tập hợp đội ngũ hòa giải viên thương mại có năng lực, uy tín, chuyên môn cao, đóng góp phát triển hoạt động hòa giải thương mại và tham gia đào tạo hòa giải viên thương mại.

Bốn là, Nhà nước cần có các chính sách cụ thể hỗ trợ hoạt động trọng tài và hòa giải, như: các chính sách về ưu đãi, hỗ trợ về tài chính, ưu đãi thuế để các tổ chức hòa giải, trọng tài có thể tổ chức, tham gia các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực, ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết tranh chấp. Đặc biệt, Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo, hướng dẫn Tòa án nhân dân các cấp triển khai các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc thực thi thỏa thuận hòa giải đã cam kết; xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ thẩm phán chuyên trách về trọng tài, hòa giải thương mại của các Tòa án địa phương về kiến thức pháp luật và kỹ năng giải quyết các vụ việc liên quan đến hòa giải thương mại ngoài tòa án.

Năm là, nghiên cứu tham gia Công ước của Liên Hợp quốc về thỏa thuận quốc tế giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải (Công ước Singapore). Công ước Singapore được 46 nước thành viên Liên hợp quốc đã ký kết ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại Singapore. Mục tiêu chính của Công ước là thúc đẩy hòa giải như một phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại quốc tế phát triển hài hòa, qua đó góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Việc tham gia Công ước mang lại giá trị cốt lõi là tạo ra khuôn khổ pháp lý thống nhất để công nhận và thi hành các thỏa thuận hòa giải thương mại quốc tế, giúp doanh nghiệp giải quyết tranh chấp xuyên biên giới nhanh chóng, tiết kiệm và đảm bảo tính ràng buộc toàn cầu, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

THAM LUẬN
TRIỂN KHAI NGHỊ ĐỊNH SỐ 22/2017/NĐ-CP NGÀY 24/02/2017 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI – KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT
Đơn vị tham luận: Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại đã tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại tại Việt Nam, góp phần đa dạng hóa các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại. Phương thức này có ưu điểm về tính linh hoạt, tính tự nguyện, tạo điều kiện để các bên duy trì quan hệ hợp tác và tiết kiệm thời gian, chi phí giải quyết tranh chấp.

Tuy nhiên, để hòa giải thương mại phát huy hiệu quả trong thực tiễn, bên cạnh việc hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cần quan tâm đến mức độ sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp, chất lượng hoạt động hòa giải và khả năng đánh giá chính xác kết quả thực hiện chính sách.

Từ thực tiễn quản lý tại địa phương, Sở Tư pháp thành phố Hà Nội xin tham luận một số nội dung sau:

1. Kết quả triển khai Nghị định

Sở Tư pháp thành phố Hà Nội đã tham mưu, tổ chức triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hoạt động hòa giải thương mại theo thẩm quyền; thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và theo dõi tình hình hoạt động của các tổ chức, hòa giải viên thương mại. Sau khi các quy định liên quan được sửa đổi, bổ sung, Sở tiếp tục rà soát, chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm việc thực hiện phù hợp với quy định hiện hành.

Theo số liệu tổng hợp của Sở đến hết tháng 9/2026, trên địa bàn thành phố Hà Nội có 10 Trung tâm hòa giải thương mại đã được thành lập và đăng ký hoạt động, với tổng số 26 sáng lập viên được ghi nhận. Tổng số hòa giải viên thương mại vụ việc đăng ký tại Sở Tư pháp là 120 người.

Theo báo cáo năm 2026 của 5/10 Trung tâm, số vụ việc thực hiện hòa giải là 05 vụ; chưa ghi nhận văn bản về kết quả hòa giải thành. Các Trung tâm báo cáo tổng số tiền thu được là 262.660.000 đồng và tổng số tiền thuế, nghĩa vụ tài chính đã nộp là 5.225.152 đồng.

Các số liệu trên phản ánh tình hình theo phạm vi báo cáo hiện có, chưa đại diện đầy đủ cho toàn bộ hoạt động hòa giải thương mại trên địa bàn. Tuy nhiên, đây là cơ sở để tiếp tục đánh giá thực trạng hoạt động, chất lượng báo cáo và mức độ sử dụng dịch vụ hòa giải thương mại trong thực tiễn.

2. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2.1. Về thể chế pháp luật

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 112/2025/NĐ-CP, đã quy định khuôn khổ pháp lý cơ bản về hòa giải thương

mại. Tuy nhiên, cần tiếp tục tổng kết thực tiễn áp dụng các quy định về phạm vi tranh chấp được giải quyết bằng hòa giải thương mại, cũng như mối quan hệ giữa hoạt động hòa giải thương mại với cơ chế công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo pháp luật tố tụng dân sự.

Việc rà soát cần làm rõ những quy định đã đáp ứng yêu cầu thực tiễn, những nội dung cần hướng dẫn áp dụng và những vấn đề thực sự cần sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi của hệ thống pháp luật.

2.2. Về tổ chức thực hiện và nhu cầu sử dụng dịch vụ

Hiệu quả của hòa giải thương mại không chỉ phụ thuộc vào khuôn khổ pháp luật và công tác quản lý nhà nước mà còn gắn với nhận thức, nhu cầu và mức độ tin tưởng của doanh nghiệp. Việc doanh nghiệp biết đến, lựa chọn phương thức hòa giải thương mại và tự nguyện thực hiện kết quả hòa giải là những yếu tố quan trọng cần được đánh giá đầy đủ hơn.

Bên cạnh đó, việc tổng hợp tình hình hoạt động hiện còn phụ thuộc vào mức độ đầy đủ, kịp thời của báo cáo do các Trung tâm gửi về. Một số Trung tâm chưa gửi báo cáo đầy đủ, ảnh hưởng đến khả năng tổng hợp và đánh giá toàn diện tình hình hoạt động hòa giải thương mại trên địa bàn.

2.3. Nguyên nhân

Về tổ chức thực hiện, công tác thống kê, tổng hợp số liệu cần tiếp tục được chuẩn hóa về biểu mẫu, phương pháp thống kê và kỳ báo cáo. Việc phân biệt giữa số vụ việc tiếp nhận, đang giải quyết, kết thúc, có kết quả hòa giải thành và kết quả thực hiện thỏa thuận hòa giải thành có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá đúng hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh đó, công tác quản lý nhà nước cần gắn chặt hơn với việc nâng cao chất lượng dịch vụ, cung cấp thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận phương thức hòa giải thương mại. Đây là những nội dung cần được quan tâm đồng thời với việc tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật.

3. Đề xuất, kiến nghị

3.1. Về hoàn thiện pháp luật

Đề nghị Bộ Tư pháp tổng kết, đánh giá toàn diện tình hình thi hành Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung, trên phạm vi cả nước; trên cơ sở kết quả tổng kết, nghiên cứu sự cần thiết và tính khả thi của việc xây dựng Luật Hòa giải thương mại hoặc tiếp tục hoàn thiện các quy định hiện hành.

Đồng thời, đề nghị phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao rà soát thực tiễn áp dụng quy định về công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; làm rõ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, từ đó đề xuất hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung quy định nếu cần thiết, bảo đảm tính thống nhất và khả thi.

3.2. Về quản lý nhà nước và công tác thống kê

Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn thống nhất biểu mẫu, phương pháp thống kê và kỳ báo cáo đối với các Trung tâm hòa giải thương mại, các Trung tâm trọng tài có đăng ký hoạt động hòa giải thương mại theo quy định và hòa giải viên thương mại vụ việc. Trong đó, cần phân biệt rõ hòa giải viên thuộc tổ chức với hòa giải viên thương mại vụ việc, hạn chế nguy cơ tính trùng số liệu.

Cần hướng dẫn cụ thể cách ghi nhận số vụ việc tiếp nhận, đang giải quyết, kết thúc, có kết quả hòa giải thành và giá trị tranh chấp; đồng thời phân biệt trường hợp không phát sinh với trường hợp chưa có dữ liệu hoặc chưa gửi báo cáo. Việc chuẩn hóa thống kê cần bảo đảm tính khả thi, không tạo thêm gánh nặng báo cáo không cần thiết và tuân thủ yêu cầu bảo mật thông tin của các bên.

3.3. Về thủ tục hành chính, bồi dưỡng nghiệp vụ và tuyên truyền

Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục cập nhật, hướng dẫn nghiệp vụ khi có thay đổi về quy định và thủ tục hành chính; tăng cường trao đổi, chia sẻ thông tin giữa Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp và các tổ chức hòa giải thương mại, phục vụ công tác quản lý và theo dõi tình hình hoạt động.

Đồng thời, quan tâm tổ chức bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng hòa giải, đạo đức nghề nghiệp và bảo mật thông tin cho đội ngũ hòa giải viên; tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo hướng thiết thực, giúp doanh nghiệp hiểu rõ điều kiện, quy trình, lợi ích và giá trị pháp lý của kết quả hòa giải thành. Qua đó, khuyến khích doanh nghiệp chủ động cân nhắc lựa chọn hòa giải thương mại khi phù hợp với tính chất tranh chấp và nhu cầu thực tế.

Từ thực tiễn triển khai tại Hà Nội, Sở Tư pháp cho rằng cần tập trung vào ba nhiệm vụ: tiếp tục rà soát, hoàn thiện pháp luật trên cơ sở tổng kết thực tiễn; chuẩn hóa công tác thống kê để đánh giá đúng tình hình và hiệu quả hoạt động; nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng khả năng tiếp cận và sử dụng hòa giải thương mại của doanh nghiệp.

Sở Tư pháp thành phố Hà Nội đề nghị Bộ Tư pháp tổng hợp ý kiến của các địa phương, tổ chức hòa giải và cơ quan liên quan, xác định rõ những nội dung cần sửa đổi pháp luật, những vấn đề cần hướng dẫn nghiệp vụ và những giải pháp cần thực hiện trong công tác quản lý nhà nước, bảo đảm việc hoàn thiện pháp luật sát thực tiễn và có tính khả thi.

Nâng cao hiệu quả trọng tài thương mại trong thời kỳ mới
Hoàn thiện thể chế và bảo đảm hiệu quả thực thi

Hội Luật gia Việt nam

Nâng cao hiệu quả trọng tài thương mại là yêu cầu thiết thực để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, củng cố an toàn giao dịch và nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh. Điều doanh nghiệp cần là một cơ chế giải quyết tranh chấp công bằng, có thể dự liệu về thời gian, chi phí và có kết quả được thực thi.

Định hướng này được thể hiện rõ trong Kết luận tại phiên họp ngày 28/9/2026 của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật (Thông báo số 07-TB/BCĐTW ngày 06/10/2026): "mục tiêu là giảm thời gian, chi phí và nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp"; "Phát triển hoà giải, trọng tài trên cơ sở tự nguyện". Đối với việc hủy phán quyết trọng tài trong nước và không công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài còn tương đối cao, Kết luận yêu cầu làm rõ nguyên nhân, thống nhất căn cứ áp dụng, bảo đảm không xét xử lại nội dung tranh chấp khi xem xét yêu cầu hủy và tuân thủ điều ước quốc tế.

Đây cần là định hướng xuyên suốt của cải cách: hoàn thiện pháp luật phải gắn với chất lượng tổ chức thực hiện và khả năng bảo vệ quyền lợi trên thực tế. Từ việc nghiên cứu pháp luật, tổng kết thực tiễn và tham khảo kinh nghiệm quốc tế, Hội Luật gia Việt Nam xin trao đổi những nội dung sau.

1. Kết quả đạt được và những điểm nghẽn cần tháo gỡ

Luật Trọng tài thương mại năm 2010 đã tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển của phương thức giải quyết tranh chấp này. Quyền lựa chọn trọng tài, tính độc lập, quyền tự định đoạt và tính chung thẩm được ghi nhận; tổ chức, đội ngũ từng bước phát triển; lĩnh vực tranh chấp ngày càng đa dạng. Những nguyên tắc về sự độc lập, tính vô tư, quyền tự định đoạt và tính chung thẩm đã góp phần đưa trọng tài Việt Nam tiếp cận thông lệ quốc tế.

Viện Nam hiện có 52 trung tâm trọng tài và hơn 700 trọng tài viên, VP đại diện Ủy ban Trọng tài Hàn Quốc và Văn phòng PCA.

Thực tiễn tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) cho thấy nhu cầu sử dụng trọng tài tiếp tục tăng: từ 424 vụ thụ lý năm 2023 lên 532 vụ năm 2025. Báo cáo năm 2025 đồng thời ghi nhận 318 vụ được giải quyết và 264 phán quyết được ban hành [5].

[5] Báo cáo thường niên của VIAC.

Những kết quả đó chưa phản ánh đầy đủ hiệu quả của toàn bộ hệ thống. Vẫn còn những điểm nghẽn cần khắc phục: năng lực giữa các trung tâm chưa đồng đều; nhân lực có kiến thức chuyên ngành, kỹ năng điều hành tố tụng và ngoại ngữ còn cần được phát triển. Một số vướng mắc về phạm vi thẩm quyền, thỏa thuận trọng tài, thủ tục, hỗ trợ tư pháp và thi hành phán quyết vẫn ảnh hưởng đến tính dự đoán và niềm tin của người sử dụng.

Vì vậy, đánh giá hiệu quả phải bao quát cả quá trình, cần đo thời gian, tổng chi phí, chất lượng thủ tục, khả năng thu hồi tiền, tài sản và mức độ tin cậy của doanh nghiệp. Phán quyết không bị hủy là một kết quả pháp lý quan trọng; quyền lợi được thực hiện mới là kết quả mà người sử dụng hướng tới.

2. Tham khảo kinh nghiệm một số nước trong khu vực gần với điều kiện Việt Nam

Kinh nghiệm Trung Quốc, Hàn Quốc và Singapore cho thấy vai trò của khuôn khổ pháp luật rõ ràng, quản trị chuyên nghiệp, nhân lực có chất lượng và sự hỗ trợ hiệu quả của cơ quan nhà nước.

Trong ba năm 2023 - 2025, SCIA (Thẩm Quyến) ghi nhận lần lượt 12.004, 14.518 và 14.873 vụ mới. SIAC (Singapore) ghi nhận 663, 625 và 886 vụ. SHIAC (Thượng Hải) 4.879 và 3.819. KCAB (Hàn Quốc) ghi nhận tổng số vụ mới lần lượt là 368, 349 và 327 [6].[2]

Những diễn biến khác nhau đó cho thấy không thể chỉ dùng số vụ để xếp hạng hiệu quả. Một tổ chức có thể giảm số vụ nhưng tăng tỷ trọng tranh chấp quốc tế hoặc giá trị tranh chấp. Chính sách hỗ trợ có thể cần thời gian mới tạo ra tác động. Các trung tâm còn khác nhau về thị trường, cách đếm và loại dịch vụ cung cấp.

Điều đáng nghiên cứu, học hỏi là cách tổ chức thực hiện. Việt Nam cần chuyển hóa những kinh nghiệm này thành giải pháp phù hợp với pháp luật và nguồn lực của mình.

3. Hoàn thiện pháp luật về TTTM và thủ tục tố tụng trọng tài bảo đảm nhanh, hiệu quả

Trước hết, cần xác định rõ phạm vi tranh chấp thuộc thẩm quyền trọng tài, nghiên cứu mở rộng hợp lý đối với quyền, nghĩa vụ tài sản mà các bên có thể định đoạt; đồng thời quy định rõ giới hạn về quyền nhân thân, thẩm quyền công, lợi ích công và quyền của người thứ ba. Việc sửa Luật Trọng tài thương mại phải gắn với kết quả rà soát luật chuyên ngành, xử lý cụ thể các điểm thiếu thống nhất và bảo đảm sự lựa chọn thực chất của bên yếu thế.

---

[6] Báo cáo thương niên, tài liệu công bố của SCIA, SHIAC, SIAC và KCAB.

Thứ hai, về thủ tục tố tụng trọng tài, Luật hiện hành đã tham khảo Luật mẫu của UNCITRAL, nhưng Việt Nam vẫn chưa được công nhận là nước áp dụng Luật mẫu[7], mức độ tương thích cần tiếp tục được rà soát thực chất. Một số quy định chưa tạo đủ công cụ xử lý vụ việc đơn giản, ngăn lạm dụng thủ tục hoặc quản lý hiệu quả thời gian; ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số còn cần được thúc đẩy. Hướng hoàn thiện là tiếp cận tối đa những nội dung được chấp nhận rộng rãi của Luật mẫu, phù hợp với Hiến pháp và hệ thống pháp luật Việt Nam, kết hợp chọn lọc thông lệ và thực tiễn quốc tế tốt - Việt Nam cần được công nhận là nước áp dụng Luật mẫu.

Thứ ba, cần quy định rõ các mốc tố tụng và trách nhiệm của hội đồng trọng tài trong việc thúc đẩy giải quyết tranh chấp; kiểm soát chặt lý do, thời gian gia hạn; phát triển thủ tục rút gọn cho vụ việc đơn giản, giá trị nhỏ. Có thể nghiên cứu mục tiêu thời gian cơ bản không vượt quá việc xét xử sơ thẩm dân sự tương tự tại Tòa án, nhưng phải làm rõ cách tính, phân loại vụ việc và ngoại lệ cần thiết để bảo đảm quyền tranh tụng, tránh một trần thời gian cứng cho mọi tranh chấp.

Đồng thời, cần hoàn thiện cơ chế trọng tài viên khẩn cấp và thi hành phán quyết. Đẩy mạnh tố tụng trọng tài điện tử, đồng thời bảo đảm quyền các bên, tính xác thực và an toàn, an ninh thông tin. Mỗi công cụ mới phải có cơ chế thực thi tương ứng để thực sự giảm thời gian, chi phí.

4. Nâng cao hiệu quả hỗ trợ và giám sát của Tòa án

Tòa án có vai trò đặc biệt trong hỗ trợ trọng tài và giám sát tính hợp pháp của hoạt động trọng tài, bảo vệ quyền tố tụng và lợi ích công. Quan hệ này cần được nhận thức đúng: Tòa án không phải cấp xét xử trên trọng tài, và thủ tục xét yêu cầu hủy không phải là việc xét xử lại nội dung tranh chấp. Sự hỗ trợ kịp thời về chứng cứ, người làm chứng và biện pháp khẩn cấp tạo điều kiện để trọng tài hoạt động đúng chức năng.

Sau hơn 15 năm thi hành Luật, việc hủy phán quyết vẫn là vấn đề được đặc biệt quan tâm, phán quyết trọng tài bị Tòa án hủy còn cao so với mặt bằng chung thế giới [8]. Hủy phán quyết làm gia tăng thời gian, chi phí, công sức và ảnh hưởng đến niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Cần làm rõ nguyên nhân

[7] Hiện có 93 quốc gia với 127 hệ thống thẩm quyền được công nhận là áp dụng Luật Mẫu, trong đó không có Việt Nam.

[8] Các số liệu được tổng hợp từ trang Công bố bản án của Tóa án tối cao liên quan tới các phán quyết trọng tài bị hủy trong giai đoạn từ 2011 - 2024 gồm có 181 phán quyết được yêu cầu hủy, tổng số được hủy là 43 (khoảng 24% phán quyết bị hủy trên tổng số đơn yêu cầu hủy phán quyết), số phán quyết bị hủy lý do trái nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam là 20. Hồng Kông: 3% phán quyết bị hủy trên tổng số đơn yêu cầu hủy phán quyết (8 phán quyết). Trung Quốc: 5,11%; Singapore: khoảng 10% trên tổng số đơn yêu cầu hủy phán quyết; Hàn quốc: dưới 10% trên tổng số yêu cầu hủy phán quyết; Pháp: khoảng 15% trên tổng số yêu cầu hủy phán quyết.

của từng nhóm trường hợp, các hướng dẫn hiện có cần được rà soát, cụ thể hóa và áp dụng thống nhất.

Định hướng là nâng chất lượng, tính thực chất của cả hỗ trợ và giám sát; lấy việc tạo điều kiện cho trọng tài hoạt động đúng pháp luật làm trọng tâm, bảo đảm Tòa án chỉ can thiệp trong phạm vi luật định. Việc hủy phải dựa trên căn cứ rõ ràng, được chứng minh; với sai sót có thể sửa chữa, giải thích hoặc bổ sung hợp pháp, cần ưu tiên cơ chế khắc phục. Tòa án chỉ hủy phán quyết, quyết định trọng tài trong trường hợp có "vi phạm" rõ ràng được quy định tại Luật TTTM mà không thể khắc phục được.

Cùng với đó, cũng cần nghiên cứu cơ chế hiệu quả kiểm soát quyết định hủy trên cơ sở tham khảo chọn lọc thực tiễn quốc tế và Luật mẫu UNCITRAL; xác định phạm vi xem xét hẹp, thời hạn chặt chẽ, tập trung vào sai lầm pháp lý nghiêm trọng, gian lận hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền tố tụng.

5. Xây dựng Việt Nam thành địa điểm hấp dẫn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Là nền kinh tế có độ mở lớn, hội nhập sâu rộng, Việt Nam đứng trước nhu cầu giải quyết tranh chấp ngày càng đa dạng về thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ và kinh tế số.

Quyền tự do kinh doanh và tự do hợp đồng với điều kiện không trái pháp luật đồng nghĩa với việc các bên tranh chấp có quyền lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp, trọng tài hoặc tòa án, tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài. Việt Nam cũng đã có các cam kết quốc tế cụ thể trong mở cửa thông thoáng thị trường trọng tài trong WTO và các hiệp định FTA thế hệ mới.

Với thực tiễn là số lượng vụ tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài Việt Nam còn khiêm tốn so với số lượng vụ việc giải quyết tại tòa án, một số lượng lớn các tranh chấp diễn ra tại Việt Nam hoặc liên quan tới doanh nghiệp Việt Nam lại được giải quyết tại các trung tâm trọng tài nước ngoài, phổ biến là tại Singapore, Paris, Hồng Kong... đặt ra yêu cầu phải nâng cao chất lượng, hiệu quả trọng tài Việt Nam, năng lực cạnh tranh quốc tế của các Trung tâm trọng tài và đội ngũ trọng tài viên hiện nay.

Cần rà soát, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế có liên quan trong WTO và các FTA, nội luật hóa những nội dung cần thiết theo đúng phạm vi nghĩa vụ; tiếp cận sâu hơn với Luật mẫu UNCITRAL và quyết tâm phát triển một số trung tâm có khả năng cạnh tranh quốc tế. Mục tiêu là để Việt Nam được lựa chọn bằng chất lượng thể chế, uy tín tổ chức, năng lực chuyên môn và khả năng thực thi kết quả.

Các trung tâm phải nâng trách nhiệm quản trị, kiểm soát xung đột lợi ích, minh bạch chỉ định trọng tài viên, quản lý phí và bảo vệ thông tin; phân biệt chức năng quản lý trung tâm với chức năng giải quyết tranh chấp của hội đồng trọng tài. Đào tạo phải gắn với thực hành điều hành vụ việc, đánh giá chứng cứ, sử dụng chuyên gia, tính thiệt hại và viết phán quyết; phát triển thư ký chuyên nghiệp và đội ngũ làm việc bằng ngoại ngữ.

Nhà nước cần hỗ trợ có trọng tâm cho nghiên cứu, dữ liệu, đào tạo, hạ tầng dùng chung và hợp tác quốc tế, theo tiêu chí công khai, sản phẩm đầu ra và đánh giá định kỳ. Phát triển mô hình mới phải chứng minh nhu cầu, giá trị bổ sung và khả năng vận hành bền vững.

Quan điểm là đưa Việt Nam thành một trong những trung tâm giải quyết tranh chấp trọng tài tại khu vực - Cần xây dựng Đề án hoặc Chiến lược cấp quốc gia cho trọng tài thương mại.

Giảm thời gian, giảm chi phí, nâng chất lượng giải quyết tranh chấp phải được thể hiện bằng những kết quả doanh nghiệp có thể cảm nhận và kiểm chứng. Hoàn thiện pháp luật, nâng năng lực trọng tài, bảo đảm sự hỗ trợ và giám sát đúng phạm vi của Tòa án, tháo gỡ vướng mắc thi hành cần được triển khai đồng bộ. Đó cũng là con đường để củng cố niềm tin và từng bước xây dựng Việt Nam thành địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài có uy tín trong khu vực.

Hội Luật gia Việt Nam mong muốn tiếp tục đóng góp cùng Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình này, để trọng tài thương mại phát huy tốt hơn vai trò đối với môi trường kinh doanh và sự phát triển của đất nước.